

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 20****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười chín, hàng thứ hai. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn: “*Hưu Yếu Giải vân: Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian; phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai; phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên; phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp. Mịch chi liễu bất khả đắc, bất khả ngôn kỳ vô; cụ tạo bách giới thiên như, bất khả ngôn kỳ hữu. Ly nhất thiết duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự tướng, nhi duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thủ biệt hữu tự tánh*” (Lại nữa, sách Yếu Giải nói: “Một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải hương, chẳng phải vị, chẳng phải xúc, chẳng phải pháp, tìm trọn chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không; tạo đủ bách giới thiên như, chẳng thể nói nó là có. Lìa hết thấy duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, tướng văn tự, nhưng duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, văn tự chẳng lìa điều này mà có riêng tự tánh được”), chúng ta xem tới đoạn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ trong phần Bốn Kinh Thể Tánh đã dẫn một đoạn từ sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Vì kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ thuộc cùng một bộ, cổ nhân gọi [hai kinh ấy] là Đại Bản và Tiểu Bản. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Đại Bản, kinh Di Đà gọi là Tiểu Bản, nhưng thể tánh để y cứ [của hai kinh] hoàn toàn tương đồng. Nói thật ra, hết thấy các kinh Đại Thừa đều có cùng một thể tánh, thể tánh ấy gọi là Thật Tướng. Chúng ta cũng có thể nói như thế này: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nói hết thấy các kinh trong bốn mươi chín năm đã dựa vào đâu? Nương vào đâu để nói? Một câu: “*Chư pháp Thật Tướng*”, tức là chân tướng của hết thấy các pháp, dựa vào đây để nói. Chúng ta lại hỏi một câu: Hết thấy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng những gì? Dùng một câu để trả lời, vẫn là một câu này: “*Chư pháp Thật Tướng*”! Hết thấy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng cho chúng ta chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, một câu bèn nói minh bạch. Kinh Bát Nhã thường nói “*chư pháp Thật Tướng*”, bốn chữ này hay lắm! Ở đây, Ngẫu Ích đại sư đã giảng “*chư pháp Thật Tướng*” là như thế nào? Đoạn này nhằm miêu tả hình trạng của nó.

Điều khó hiểu là một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta; câu này hết sức khó hiểu! “*Hiện tiền*” là chính ngay trong lúc ấy, “*nhất niệm*” đã chẳng dễ hiểu rồi! Bình thường, chúng ta khởi tâm động niệm, niệm ấy rất thô, ở đây nói tới “*niệm vi tế*”, niệm vô cùng vi tế, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Chẳng phải là thô niệm như chúng ta đang khởi tâm động niệm trong hiện tại. Trong Bồ Tát Xử Thai Kinh có một đoạn nói đức Thế Tôn đối trước Di Lặc Bồ Tát giảng giải: “*Phật vấn Di Lặc, tâm hữu sở niệm*” (đức Phật hỏi ngài Di

Lặc, tâm có bao nhiêu niệm). Đây là phàm phu chúng ta, tâm khởi lên một niệm, trong thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, bèn dấy lên một niệm. Trong một niệm ấy, có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Hỏi điều này chúng ta sẽ biết: Phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong một niệm ấy có bao nhiêu [tế] niệm, khiến cho chúng ta nhận biết có một niệm dấy lên, có bao nhiêu niệm? Tướng là hiện tượng vật chất, Thức là hiện tượng tinh thần. Tôi nghĩ rất nhiều người trong quý vị đều từng niệm Tâm Kinh; Tâm Kinh nói tới Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đức Phật hỏi “mấy tướng”, thì đó là Sắc, tức sắc tướng, đây là một phần vật chất. “Mấy thức?” là nói về Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở sau [Thức], có bao nhiêu Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Di Lặc Bồ Tát đáp lời hỏi của Thích Ca Mâu Ni Phật: “*Nhất đàn chỉ*” (một cái khảy ngón tay), nói theo phía chúng ta, thời gian khảy ngón tay là một niệm, tức là trong tâm có một niệm. Thời gian khảy ngón tay rất ngắn, đại khái là một giây. Chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy từ bốn lần tới năm lần. Nói cách khác, trong một giây chúng ta có chừng bốn tới năm niệm, đây là điều chúng ta có thể cảm giác được! Bồ Tát nói trong một cái khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Chúng ta không có cách nào tưởng tượng được! Ngài nói “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, quý vị thấy một cái khảy ngón tay [là như thế đó]! Phàm phu chúng ta cảm giác đó là một niệm, nhưng trong một cái khảy ngón tay có nhiều niệm như thế!

Tôi tin tưởng đức Phật nói lời chân thật, [điều này] khiến cho chúng tôi nghĩ đến lời Thế Tôn đã nói trong kinh Nhân Vương, đó là nói phương tiện, chẳng phải là chân tướng sự thật, mà là nói phương tiện. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, giảm rất nhiều! Tim Di Lặc Bồ Tát để hỏi, Di Lặc Bồ Tát là chuyên gia Duy Thức, nói như bây giờ, Ngài là chuyên gia tâm lý học trong Phật giáo, chuyên môn giảng tâm lý học, lời Ngài nói nhất định là sự thật, chẳng phải là nói phương tiện, mà là nói chân thật. Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; chúng ta lấy ba mươi hai ức nhân với mười vạn, tức là nhân với một trăm ngàn, thành ba trăm hai mươi triệu. Trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, [như vậy là] có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, trong mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất; “*hình đều có thức*”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, cũng là Ngũ Uẩn trọn đủ, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Ngũ Uẩn trọn đủ! Ngũ Uẩn là cơ sở, căn bản của hết thảy các pháp, giống như nay chúng ta nói tới nguyên tử, điện tử, lap tử cơ bản, nhục nhãn chẳng nhìn thấy những cơ sở vật chất hết sức vi tế ấy. Ngài nói vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh; lại còn chẳng tách rời, trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất. Nếu trong tinh thần chẳng có vật chất, tìm không ra, thì trong vật chất chẳng có tinh thần, cũng tìm không được, vì sao? Chúng đồng thời phát sanh, chắc chắn chẳng thể phân cách, chúng là một Thể.

Gần đây, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng thời gian mười mấy năm, phải biết đến năm nay đã là mười hai năm, hay mười ba năm, nghiên cứu nước, phát hiện nước có đủ Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trọn đủ. Nước là một vật thể, là hiện tượng vật chất, hơn nữa là khoáng vật. Chúng ta nói khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu ý con người, chúng ta khởi tâm động niệm nó đều biết; thiện niệm hay ác niệm nước đều hiểu toàn bộ. Những điều này đều được trắc

nghiệm, thí nghiệm mười mấy năm, chẳng sai chạy mảy may! Quý vị thấy trong hiện tượng vật chất lại có hiện tượng tinh thần. Hơn nữa, chúng ta phải biết: Một cái khay ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, [những niệm ấy] là tế niệm. Lúc chúng ta dấy lên một niệm vi tế, trong một sát-na có nhiều tế niệm dường ấy! Mỗi niệm đều sanh ra hiện tượng vật chất, trong mỗi hiện tượng vật chất đều trọn đủ hiện tượng tinh thần. Hôm nay có một đồng học cho tôi biết: Ông ta hạ tải (download) từ Internet [một văn bản, theo đó], một khoa học gia của Mỹ đã tiến hơn nữa, phát hiện nước có năng lực ký ức, điều này cũng được các khoa học gia chứng thực. Nước không chỉ có thể thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người, mà còn có thể ghi nhớ. Điều này hoàn toàn tương ứng với những điều được giảng trong kinh Phật: Một hiện tượng vật chất dù nhỏ đến mấy đi nữa, nói theo danh từ trong kinh Phật là “vi trần”, nói theo khoa học hiện thời là lập tử cơ bản, nhục nhãn không thấy được, vẫn trọn đủ hết thảy các thông tin viên mãn trong vũ trụ.

Kinh thường nói: “*Giới tử nạp Tu Di, Tu Di nạp giới tử*” (hạt cải bỏ vào núi Tu Di, Tu Di bỏ vào trong hạt cải), đây là nói lớn và nhỏ chẳng hai! Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thể giới, thế giới trong vi trần và thế giới bên ngoài to như nhau, trong thế giới ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng này? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư cũng giải thích rất tuyệt, vì điều này thuộc về tự tánh, tự tánh có công đức viên mãn. Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ; vì vậy, trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, chẳng có lớn hay nhỏ, tự tại vô ngại. Trong tự tánh chẳng có thời gian, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng có không gian, không gian là khoảng cách, chẳng có! Kinh Di Đà nói thế giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, trong tự tánh “*đương hạ tức thị*” (ngay nơi đây chính là). Điều này rất khó hiểu, nó là một sự thật rất khó hiểu, đây là Thật Tướng, Thật Tướng của các pháp là như thế đó. Vì vậy, sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán là do Hiền Thủ quốc sư đã hoàn toàn căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để viết thành bài luận văn ấy. Bài luận văn ấy chẳng dài, nhưng đã thật sự giảng viên mãn rất ráo vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đại Thừa. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện!

Trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã giảng rất hay, Ngài kiến tánh, thừa bầy với thầy là Ngũ Tổ Nhân hòa thượng. Quý vị phải biết: Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa hề học hành. Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn là giảng đại ý kinh Kim Cang, nửa đêm canh ba trong Phương Trượng Thất, chúng tôi phỏng đoán thời gian nhiều nhất là hai giờ. Giảng tới câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn hoảng nhiên đại ngộ, trong Thiên Tông gọi [sự hoảng nhiên đại ngộ ấy] là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh là như thế nào? Ngài báo cáo rất đơn giản, năm câu: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), điều này trọng yếu. Cũng có nghĩa là nói: Tự tánh là chân tâm, có thể hiện, có thể sanh (năng hiện, năng sanh); vạn vật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở hiện sở sanh (cái được hiện, cái được sanh). Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vĩnh viễn thanh tịnh. Câu thứ hai, Ngài nói: “*Bốn bất sanh diệt*” (vốn chẳng sanh diệt), tự tánh là cái Ta chân thật, tức là cái mà trong Tông Môn gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đó là Chân Ngã. Thân này là giả ngã, chẳng phải là Ngã, vốn chẳng sanh diệt! Câu thứ ba là “*bốn tự trụ tròn*” (vốn tự trọn đủ), nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ. Trọn đủ là gì? Chẳng có mảy may khiếm khuyết. Dùng một câu trong kinh Hoa

Nghiêm để giải thích thì như trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đây là vốn tự trọn đủ. Vì vậy, trí huệ sẵn có trong tự tánh, quý vị và hết thấy chư Phật Như Lai chẳng khác nhau; “*đức*” là đức năng, là đức hạnh, cũng chẳng khác nhau; tướng hảo cũng chẳng khác nhau. Câu này chính là phân nửa của tựa đề kinh này: “*Đại Thừa*” là trí huệ, “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng hảo, hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, trọn đủ! Chẳng phải cầu từ bên ngoài, hễ quý vị kiến tánh sẽ đạt được. Huệ Năng đại sư trọn chẳng nói lời hư giả với chúng ta. Câu thứ tư là: “*Bốn vô động dao*” (vốn chẳng dao động), đây là tự tánh vốn định, chẳng phải do tu thành. Câu cuối cùng là: “*Năng sanh vạn pháp*” (có thể sanh ra vạn pháp). Vì vậy, nói tới đức hạnh và tự thể của chính mình là bốn câu trước, câu cuối cùng là nói tới tác dụng, đức dụng, có thể sanh ra vạn pháp.

Sanh ra vạn pháp như thế nào? Nhất niệm dấy lên. Nhất niệm ấy chẳng có nguyên nhân. Trong giáo pháp Đại Thừa gọi nhất niệm ấy là vô minh, tức là “*vô thí vô minh*”. Vô minh là động, một niệm ấy dấy động. Hễ động, nó bèn hiện tượng, hiện tượng gì? Hễ động, A Lại Da bèn hiện ra; bất động, chẳng có A Lại Da (A Lại Da là vọng tâm), [bất động là] chân tâm! Vừa động, chân tâm liền biến thành A Lại Da. Quý vị phải biết: Câu này rất khó giảng, lúc mọi người nghe nói phải nghe ra ý nghĩa của nó, đừng hiểu lầm nơi mặt ngôn ngữ. Chân tâm bất động, nó vốn chẳng dao động, làm sao nó động được? Động, nhưng [sự động ấy] chẳng phải là thật. Quý vị hiểu sự “*động*” ấy chẳng phải là thật, nó nương theo y tự tánh mà dấy lên một hiện tượng, hiện tượng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, vọng tâm nương vào chân tâm mà dấy lên, chẳng phải là chân tâm. Một niệm tối sơ ấy chẳng có khởi đầu, vì sao? Ngay chính khi đó, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai! Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều là ngay lập tức. Hiện tượng này, nói thật ra là một thứ “*tương tự tương tục tương*” (tương gần giống như liên tục). Đúng như chúng ta thấy trong điện ảnh, điện ảnh trước kia, chứ không phải hiện thời, hiện thời họ dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì nhìn ra được. Trước kia dùng cuộn phim nhựa. Phim nhựa là phim được soi bằng đèn chiếu lên từng tấm một. Tốc độ chiếu phim là hai mươi bốn tấm trong một giây, mỗi một tấm phim đều khác nhau, từng tấm độc lập, chẳng giống nhau. Vì vậy, nó là tương tự; chúng ta nói là “*đại đồng, tiểu dị*”, tương tự, tương gần giống như liên tục. Trong một giây, sanh diệt hai mươi bốn lần, lừa dối khiến chúng ta thấy nó giống như thật. Còn đối với hiện tượng trong hiện tiền, trong một giây là bao nhiêu tấm, bao nhiêu lần? Nếu [một giây] khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy ngón tay năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Vì vậy, dùng phim ảnh để nói thì [trong một giây sẽ có] một ngàn sáu trăm triệu [tấm phim được chiếu ra], chúng ta làm sao biết nó là giả cho được? Huyền tướng mà!

Tâm tánh, thưa quý vị, chính là Tánh trong “*minh tâm kiến tánh*”. Tánh chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa, trong, ngoài, trung gian đều ở trong tánh, chẳng lìa khỏi tánh, chẳng rời khỏi tự tánh. Chẳng phải là quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Đây là chẳng có thời gian, còn những điều trong phần trên (chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa) tức là chẳng có không gian. Nó chẳng có hình tướng, chẳng có sắc tướng, dài, ngắn, vuông, tròn là hình tướng, cái gì cũng chẳng phải! Tìm chẳng thể được, thật đấy! Vì sao? Sáu căn chẳng duyên được, mắt nhìn chẳng thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tâm nghĩ chẳng ra. Tâm tướng là thức thứ sáu, tức ý thức. Công năng của thức thứ sáu (ý thức)

rất lớn, đối nội bèn có thể duyên đến A Lại Da, đối ngoại nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng chẳng duyên được tự tánh, vì sao? Nó là vọng tâm, vọng tâm chẳng thấy chân tâm. Vì vậy, tìm chẳng thể được. Quý vị chẳng thể nói nó là không, vì nó có thể hiện tướng, nó hiện ra gì vậy? Tạo đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói nó là có. Nó có thể biến hiện bách giới thiên như, nay chúng ta nói là “vũ trụ, vạn vật”. Vũ trụ vạn vật do nó sanh ra, nhưng quý vị chẳng thể nói vũ trụ vạn vật là có! Vì sao chẳng thể nói nó là có? Quý vị phải hiểu duyên khởi của nó, nó là hiện tượng tích lũy trong từng niệm một, giống như chúng ta coi phim, hoặc giống như nhìn vào hình ảnh trên màn hình [TV, hoặc computer], thấy dường như là có, nhưng trên thực tế, chúng chẳng có, sanh diệt trong sát-na. Phải hiểu “sát-na” thật sự là ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt trong một cái khảy ngón tay. Do sanh diệt quá nhanh, nhanh đến nỗi không cách nào tưởng tượng, nên sanh diệt là chẳng sanh diệt. Câu này có ý nghĩa rất sâu. Nếu thật sự chẳng có sanh diệt, nói “sanh diệt là chẳng sanh diệt”, há phải là lời lẽ thừa thãi ư? Quả thật có sanh diệt, nhưng sanh diệt quá nhanh. Không chỉ năng lực sáu căn của chúng ta chẳng có cách nào thấy được sự sanh diệt này, mà sáu thức của chúng ta tư duy, tưởng tượng nó cũng nghĩ không ra, tốc độ quá nhanh, lục căn, lục thức đều do nó biến hiện. Phải như thế nào thì mới có thể thấy? Chúng ta buông lục căn và lục thức xuống, tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Vì vậy, nếu chúng ta hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề là như thế nào ư? Trong Phương Trượng Thất, Huệ Năng đại sư nghe giảng kinh Kim Cang khai ngộ như thế nào? Chẳng có gì khác! Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bèn khai ngộ. Những thứ này và cương lĩnh tu hành yêu cầu trong Tông Môn có cùng một ý nghĩa, tu hành trong Tông Môn đòi hỏi người ta phải lìa tâm ý thức để tham, tức Tham Thiên. Tham là như thế nào? Lìa tâm ý thức mới gọi là tham; dùng tâm ý thức thì gọi là nghiên cứu. Dùng tâm ý thức để tu học Phật pháp là Phật học; lìa tâm ý thức thì quý vị thật sự học Phật, vì sao? Quý vị thành Phật. Tâm là gì? Tâm là A Lại Da. Nghiệp Tướng trong ba tế tướng của A Lại Da gọi là tâm; Mạt Na là chấp trước, tứ đại phiền não thường nương theo, đó là chấp trước; ý thức là phân biệt. Lìa tâm ý thức là gì? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lìa sạch sành sanh, tự tánh bèn hiện tiền.

Hiện thời chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu như thế nào? Đã hiểu gọi là giải ngộ, nhưng chưa có cách nào chứng đắc. Chứng đắc mới hữu dụng, giải ngộ vẫn chưa hữu dụng. Lúc chứng đắc gọi là chứng ngộ, quý vị thật sự buông xuống, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Họ (người đã chứng ngộ) rất lợi hại, đốn xả, đốn ngộ, ngay lập tức buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Phạm phu thành Phật trong một niệm; buông một niệm xuống, rất lợi hại! Qua kinh giáo, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy, đó là “căn tánh viên đốn”. Chúng ta thấy Huệ Năng đại sư vào thời Đường tại Trung Quốc cũng là đốn ngộ, đốn xả. Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không? Chẳng chịu buông xuống là giải ngộ, buông xuống là chứng ngộ. Nay chúng ta là giải ngộ, huân tập trong giáo pháp Đại Thừa nhiều năm như thế, chúng ta thừa nhận, chẳng hoài nghi tí nào, chúng ta cũng có thể được gọi là căn tánh Đại Thừa trung thượng. Quý vị đã hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật, chẳng hoài nghi, chẳng buông xuống. Cổ nhân nói: “Ngộ hậu khởi tu” (sau khi ngộ sẽ bắt đầu tu), nay quý vị phải làm gì? Buông xuống. Buông xuống như thế nào? Lúc ăn cơm, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc mặc quần áo, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc làm việc cũng như

thế; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng như thế, quý vị bèn thành công, đó gọi là tu hành thật sự!

Đốn xả khó lắm, Phật, Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta tiệm tu (tu từ từ), từ từ buông xuống. Phải thật sự đoạn trừ tập khí phiền não, “đoạn” (斷) là buông xuống; do vậy, buông xuống là được! Lúc ăn cơm, chớ nên kén chọn, tùy duyên mà chẳng phan duyên, đó gọi là công phu, tu hành. Theo như kinh giáo đã dạy: Trước tiên là buông Thân Kiến xuống, kinh điển dạy chúng ta điều này. Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là chấp trước thân này là ta, có chấp trước ấy là do có tự tư tự lợi nên bèn có tham, sân, si, mạn. Lời đức Phật nói là thật, đầu tiên, quý vị phải thấy thấu suốt thân chẳng phải là ta, cái gì là ta? Tự tánh là ta. Vạn hữu trong vũ trụ do tự tánh biến, tự tánh là ta, hết thảy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do tự tánh biến. Nếu thật sự hiểu rõ ràng y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình là nhất thể, thứ nào chẳng phải là ta? Đông đảo chúng sanh là ta, hoa, cỏ, cây cối là ta, núi, sông, đại địa là ta, khắp pháp giới hư không giới là ta, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc Pháp Thân, đó gọi là Pháp Thân. Thân đó và chính mình cùng một Thể, là một, chẳng hai! Vì sao? Tự tánh biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da Thức có thể biến, cái được hiện được sanh là hết thảy vạn pháp thiên biến vạn hóa, cái thiên biến vạn hóa là gì? Là A Lại Da, thức có thể biến. Tánh có thể sanh, có thể hiện; thức có thể biến, nhất thể! Dùng ngôn ngữ Trung Quốc để nói thì là luân lý, đây là luân lý Phật pháp, luân lý Đại Thừa. Luân lý là nói tới quan hệ, trọn hết hư không khắp pháp giới là chính mình. Quý vị nói quan hệ này có mật thiết lắm hay không!

Vì vậy, chỉ cần quý vị kiến tánh, lòng từ bi trong tự tánh tự nhiên sanh khởi, gọi là đại từ đại bi. “*Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi*” hiện tiền. Hễ hiện tiền, quý vị sẽ tự nhiên giống như chư Phật, Bồ Tát, phải phổ độ chúng sanh. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, quý vị làm chuyện này, giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo đang mê, mê quá sâu, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, tự cho mình là đúng. Vì vậy, người giác ngộ nhất định sẽ giúp đỡ những kẻ chưa giác ngộ. Quý vị đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, những điều đó đều là biểu diễn tuồng cho họ xem, giúp họ giác ngộ. Pháp môn: “*Pháp*” là phương pháp, “*môn*” là môn đạo (門道: đường nẻo), vô lượng vô biên! Quý vị đã khai trí huệ hoàn toàn, khéo dùng những pháp môn và phương tiện thiện xảo ấy giúp chúng sanh giác ngộ. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã vì chúng ta biểu diễn phương pháp này, biểu diễn hết sức sống động. Sau khi chúng ta hiểu rõ, bèn bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Phật pháp là gì? Quý vị phải hiểu điều này! Phật pháp là giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi khai ngộ liền bắt đầu dạy học, dạy suốt cả đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch; kinh chép “*giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Ngài mang thân phận gì? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nói theo cách bây giờ là mang chức nghiệp của một vị thầy! Ngài dạy những gì? Dạy Thật Tướng của các pháp, chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Dựa vào điều này [để thuyết pháp], mà [thuyết pháp] cũng là để dạy điều này.

Thật sự hiểu rõ chân tướng vũ trụ, chắc chắn quý vị sẽ chẳng làm chuyện sai quấy, chắc chắn sẽ chẳng tạo nghiệp. Người hồ đồ tạo nghiệp, do mê hoặc nên tạo nghiệp, người

giác ngộ chẳng tạo nghiệp. Tuy giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ; phá mê khai ngộ là nhân, lìa khổ được sướng là quả. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có; mê đã phá, khổ sẽ chẳng còn. Vui sướng do đâu mà có? Vui sướng là giác ngộ, giác ngộ bèn vui sướng, pháp hỷ sung mãn, do ngộ sẽ được vui sướng. Muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui sướng, dùng phương pháp gì? Dùng phá mê khai ngộ. Dùng phương pháp gì để phá mê khai ngộ? Dạy học bằng thân hành, ngôn giáo! Đức Phật thị hiện, những gì Ngài đã giảng đều biểu diễn toàn vẹn cho quý vị thấy. Quý vị thấy Ngài chẳng chấp trước món ăn, lần lượt đi xin từng nhà, người ta cho gì ăn nấy, đều hoan hỷ, chẳng kén chọn, chẳng hề! Thường Tùy Chúng của đức Phật là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi ngày ra ngoài khát thực, chẳng phải là xin xong sẽ tự mình ăn, chẳng thể vậy! Sau khi xin xong trở về, bèn để chung [những món xin được vào] một chỗ, thầy đều dọn chung lại, sau đấy, chính mình lại lấy từ đó ra. Vì thế nói: “*Nhất bát thiên gia phạn*” (Một bát, cơm ngàn nhà), quý vị ăn một bát cơm đúng là xin từ một ngàn nhà bên ngoài, dọn chung lại, trộn lẫn rồi lại chia ra, đó là “*lợi hòa đồng quân*”. Chẳng phải là quý vị xin được món ăn ngon thì hôm nay sẽ ăn ngon lành lắm, kẻ khác chẳng xin được món ngon, sẽ chẳng được nếm món ngon, mà là trộn chung với nhau!

Đức Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, nay chúng ta biết: Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đệ tử của Ngài đều là những vị đại Bồ Tát tái lai, Giống như diễn tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chính, họ đóng những vai phụ, thầy đều là tới thị hiện, đến hát vở tuồng này biểu diễn cho chúng ta xem, giúp chúng ta giác ngộ. Các Ngài mới thật sự là giai cấp vô sản, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời chẳng dựng một ngôi chùa miếu nào, vậy thì Tăng đoàn ở nơi đâu? Ở ngoài đồng, trong rừng, dưới cội cây. Quý vị hãy suy nghĩ, tư tưởng của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vô cùng sống động, chúng ta nói là Ngài hết sức hiện đại hóa, chẳng câu thúc chút nào! Quý vị thấy quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chính họ có hoa viên, có biệt thự, mời Ngài đến cúng dường, thỉnh Ngài tới giảng kinh, Ngài cũng đồng ý, cũng tiếp nhận. Nổi tiếng nhất là Trúc Lâm Tinh xá (Kalanda Venuvana), Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (Jetavana Vihara), thời gian đức Phật trụ tại những nơi ấy cũng khá dài; nhưng sau khi giảng hết một bài kinh lớn, Ngài rời khỏi, vật trở về chủ cũ. Nói theo cách bây giờ, Ngài chỉ tiếp nhận quyền sử dụng, chẳng cần tới quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn thuộc về chủ nhân các vị, Ngài không cần sẽ giao lại. Lúc đức Phật nhập diệt là ở trong rừng, chẳng ở trong nhà! Vì vậy, chúng ta quan sát cận kề, suy ngẫm ý nghĩa này, đúng là sắc thân ở trong thế gian này cũng chẳng nhiễm mảy trần, chẳng sở hữu một thứ gì, ba y một bát, ngày ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới cội cây, đắc đại tự tại, thật sự an lạc.

Hiện thời, người ta gọi Phật giáo là tôn giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật nghe như vậy cũng thờ dài, oan uổng! Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo và tôn giáo chẳng dính dáng gì với nhau, làm sao có thể nói Phật giáo là tôn giáo? Ngài suốt đời giáo học! Từ kinh điển, nếu chúng ta quan sát cẩn thận, liễu giải Phật, nói theo cách bây giờ, đức Phật là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên chánh cống. Suốt đời Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy [tấm gương của] một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Đức Phật dạy học chẳng phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo. Từ kinh điển, chúng ta thấy có nhiều người Bà La Môn giáo, hay thuộc các tôn giáo khác ở Ấn Độ, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Dạy dỗ không phân biệt, Ngài chẳng cự tuyệt, cũng không buộc quý

vị thay đổi, tín ngưỡng hay tôn giáo nào, Ngài thấy đều hoan nghênh. Chúng ta phải học tập điều này. Đức Phật dạy này nọ, cách dạy như thế nào? Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ, đây là tông cương lãnh giáo học của Phật. Đầu tiên, dạy quý vị trì giới, trì giới là gì? Giữ quy củ, nghe lời, khiến cho cái tâm của quý vị định. Nói “định” là phiền não, tập khí thấy đều buông xuống, tâm bèn định. Sau khi tâm định bèn khai trí huệ. Do vậy, tâm định rồi thì tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Cái tâm pháp phêu, chao động sẽ sanh phiền não, người Hoa gọi [cái tâm ấy] là “*tâm phù khí táo*” (bộ chop, vôi vàng), “*tâm phù khí táo*” sanh phiền não, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Vì vậy, tu hành bước đầu tiên là phải đạt được tâm thanh tịnh. Người đạt được cái tâm thanh tịnh, nói theo Phật pháp là đã đạt được học vị thứ nhất, tức A La Hán. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh, đây là học vị đầu tiên. Sau đó, tiếp tục nỗ lực, phân biệt cũng buông xuống. Công phu của bậc A La Hán là buông chấp trước xuống. Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Kinh Đại Thừa thường gọi “phân biệt” là Trần Sa phiền não, trần sa là tỷ dụ nhằm ví von “số nhiều”. Đoạn Trần Sa phiền não là chẳng phân biệt, chẳng phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có tâm phân biệt. Hiểu rõ ràng cảnh giới trước mặt, đó là Huệ; chẳng phân biệt là Định. Định này cao hơn Định của A La Hán; vì vậy, danh xưng của học vị này là Bồ Tát, cao hơn A La Hán. Tới cuối cùng, trong giai đoạn cuối cùng, bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là đoạn sạch vọng tưởng, đoạn vô thí vô minh. Vô thí vô minh là khởi tâm động niệm. Sau khi đoạn sạch, mười pháp giới chẳng còn. Đạt đến cảnh giới A La Hán, lục đạo chẳng còn, vượt thoát lục đạo; khi đạt đến cảnh giới Phật, mười pháp giới chẳng còn, lúc đó, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Chúng ta thấy trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng. Cư dân trong các thế giới ấy đúng là “trường sinh bất lão”, thọ mạng là vô lượng thọ, con người chẳng có hiện tượng lão hóa, hoàn toàn đúng là hình tướng trẻ trung, chẳng có tướng già nua. Hoa, cỏ, cây cối xanh tươi mãi mãi, chẳng giống như nơi này Xuân sanh, Hạ trưởng, chẳng có hiện tượng ấy, chẳng có tướng biến hóa ấy, mà là vĩnh hằng. Thật sự có thế giới ấy. Trong kinh điển, đức Phật đã giảng đạo lý đó, chúng ta hiểu rõ, minh bạch, có lý luận để có thể dựa vào. Vì sao người trong thế giới ấy chẳng lão hóa? Vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao người trong thế gian này bị lão hóa? Có phân biệt, chấp trước. Hoa, cỏ, cây cối vì sao Xuân sanh, Hạ trưởng? Chúng cũng có phân biệt, chấp trước, hoa, cỏ, cây cối có [phân biệt, chấp trước]; núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không, vì sao? Núi, sông, đại địa cũng có phân biệt, chấp trước, Ngũ Uẩn mà! Thí nghiệm trên nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã chứng tỏ rất rõ ràng, quý vị thấy nước có thể thấy, nghe, lại còn hiểu ý nghĩ con người. Chúng ta tán thán, ca ngợi nó, nó sẽ biểu hiện sự kết tinh vô cùng đẹp đẽ, đáp ứng chúng ta. Chúng ta chửi bới, chán ghét nó, nó phản ứng [bằng cách kết tinh] rất xấu xí. Nước có phân biệt, chấp trước. Hiện thời, khoa học còn tiến một bước nữa, phát hiện nước còn có ký ức. Có ký ức sẽ phiền lắm! Nếu quý vị xử tệ đối với nó, nó sẽ trả thù quý vị. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta phá hoại hoàn cảnh sanh thái thiên nhiên, thiên nhiên có ký ức, nó oán hận, sẽ trả thù chúng ta. Vì vậy, núi lửa bùng nổ, động đất, đó là thiên nhiên báo thù, chẳng phải là chuyện thần thoại. Vì vậy, đối với tin tức này, chúng tôi mong có CD/DVD cho mọi người xem, thấy nước có ký ức, nước là một đại biểu [của toàn bộ thiên nhiên]. Tất cả hiện tượng vật chất, nay đã được khoa học chứng tỏ, đúng như lời đức Phật đã nói, thấy đều có Ngũ



Uẩn, đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thức là ký ức, Thọ là cảm nhận, Tướng là phân biệt, Hành là chấp trước, Thức là vô thủ vô minh, những vọng tưởng nó đều có hết. Động vật biểu hiện [Ngũ Uẩn] rất rõ rệt, khoáng vật biểu hiện chẳng rõ ràng, phải thông qua thí nghiệm khoa học để chứng tỏ. Ngay cả đối với núi, đá, bùn, đất, chúng ta cũng chớ nên đắc tội, huống chi cây, cỏ, hoa, cỏ, huống hồ hết thủy động vật! Vì vậy, khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, ngày càng chứng thực những điều đức Phật đã dạy trong kinh. Đây là chuyện tốt, chúng ta chẳng thể không tin!

Vì vậy, chớ nên chấp trước hết thấy các hiện tượng là có, mà cũng đừng chấp trước chúng là không! Có hay không đều chẳng thể được! Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng điện ảnh để tỷ dụ, dùng TV làm tỷ dụ. Nay chúng ta học tập, có thể nói là đại đa số đồng học đều cùng nhau học tập qua Internet, hay truyền hình vệ tinh. Internet thì quý vị có thể thấy cùng lúc; truyền hình vệ tinh phát sóng, đại khái phải sau một tháng, vì vẫn còn phải chế tác [băng đĩa], in chữ phụ đề lên phim. Nói tới Thật Tướng của các pháp, quý vị hãy quan sát cẩn thận màn hình TV của chúng ta, chân tướng là gì? Chúng ta hãy sánh ví màn hình như tự tánh, Thật Tướng vô tướng, đúng là vô tướng! Quý vị chẳng thể nói nó thật sự chẳng có, vặn đúng đài, sắc tướng bèn hiện tiền, hiện tượng này chúng ta đều biết, bày ra trước mắt mỗi ngày. Sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là có, vì sao? Quý vị tắt TV đi, nó chẳng còn nữa! Đổi sang băng tần khác, sẽ đổi sang hình ảnh khác, đổi băng tần giống như mười pháp giới. Phật pháp nói chân và vọng, vọng là có thể biến. Sắc tướng trên màn hình có thể biến, sanh diệt trong từng sát-na, Di Lặc Bồ Tát nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niêm. Mỗi một niêm đều có sắc tướng, đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Lúc mê gọi là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng có, biến đổi, biến thành gì? Biến thành Chân, kiến văn giác tri, đây là trí huệ và đức tướng trong tự tánh, nhưng nó chẳng hiện tiền, quả thật là có. Do vậy, quý vị chẳng thể nói nó là không!

Chúng ta dùng màn hình làm tỷ dụ, tắt máy đi, quý vị chẳng thể nói trong ấy chẳng có sắc tướng. Mở đúng băng tần, sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là thật sự có, tình hình trong toàn thể vũ trụ rất giống như vậy! Nếu quý vị hiểu những đại đạo lý này, mỗi ngày mở TV, xem TV bằng cách nhìn này, xem lâu ngày sẽ khai ngộ, cùng một đạo lý! Trong quá khứ, chuyện này đúng là khó hiểu! Đối với các bậc tổ sư đại đức thời cổ đọc kinh Phật mà có thể khai ngộ, chúng ta bội phục năm vóc sát đất. Hiện tại, có những công cụ khoa học nhiều ngàn ấy bày ra trước mặt chúng ta, những thứ tương tự ngày càng nhiều, nên dễ hiểu, nhưng các Ngài chẳng có những thứ ấy, làm thế nào để hiểu? Từ chỗ này, từ màn hình TV, quý vị bèn nhập pháp môn Bất Nhị, Có và Không bất nhị, Không và Hữu bất nhị. Màn hình là không, sắc tướng trong mỗi băng tần là có, Không và Hữu bất nhị. Tâm Kinh dạy: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”, quý vị hoàn toàn thấy được, chúng là một, chẳng hai. Đây là triết học tối cao. Nếu nhìn từ duyên khởi, đây là khoa học tối cao. Khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sanh mạng, nhà Phật nói y báo và chánh báo trang nghiêm từ đâu mà có, quý vị đều hiểu rõ ràng, đều minh bạch, hoàn toàn trở về tự tánh. Trở về tự tánh là thành Phật, sự giáo học của Phật đã viên mãn, [học trò (chúng sanh được hóa độ) đã] tốt nghiệp rồi!

Chúng ta xem câu cuối cùng: “*Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố vô tướng, tức cố vô bất tướng, bất đắc dĩ cưỡng danh Thật Tướng*” (Nói tóm lại, lìa hết thấy tướng tức là hết thấy pháp. Do lìa nên vô tướng, do “tức” nên chẳng phải là không có tướng, bất đắc dĩ cưỡng gọi là Thật Tướng). Nói Thật Tướng với quý vị thì Thật Tướng có thật hay chẳng? Nếu quý vị chấp trước là trật rồi, đây là danh từ thuật ngữ, là một thứ phương tiện dạy học nhằm làm cho quý vị ngộ nhập những điều trên đây, quý vị đừng nên chấp trước thật sự có Thật Tướng. Thật sự có Thật Tướng? Tìm Thật Tướng chẳng được! Vì vậy, điều khẩn yếu là “chúng ta lìa hết thấy tướng sẽ chính là hết thấy các pháp”. Chỉ cần quý vị rời khỏi vọng tướng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy chân tướng. Hết thấy các pháp, giống như chúng ta coi TV, chỉ cần tách lìa khỏi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy chân tướng, chẳng bị những hình ảnh trên TV nhiễu loạn, chẳng bị nó xoay chuyển. Quý vị bị hình ảnh xoay chuyển tức là tâm quý vị chẳng làm chủ được, có vọng tướng, phân biệt, chấp trước, đã bị nó xoay chuyển, bị nó quấy nhiễu. Nếu quý vị chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, sẽ có thể chuyển nó, nó chẳng thể chuyển quý vị. “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống với Như Lai), ta chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vì sao? Liễu giải rồi! Giống như kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, điều này chư vị đồng học đều biết. Khởi đầu, lúc vừa mới thành đạo, [Đức Phật] bèn giảng Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng trong Định; vì vậy, Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, không tin, Đức Phật giảng trong Định mà! Tiểu Thừa chỉ thừa nhận Đức Thế Tôn sau khi thành đạo độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, đó là khởi đầu của sự nghiệp giáo học, họ thừa nhận chuyện này, chẳng thừa nhận Hoa Nghiêm. Đức Phật giảng A Hàm mười hai năm, Phương Đẳng tám năm, Bát Nhã hai mươi hai năm, Pháp Hoa tám năm, [tổng cộng] bốn mươi chín năm, thời gian giảng Bát Nhã dài nhất. Bát Nhã tổng kết lại là gì? Là bảo quý vị: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, đó là chân tướng.

Làm thế nào để thấy chân tướng này? Đó là lìa hết thấy tướng chính là hết thấy các pháp. Quý vị lìa vọng tướng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được, sẽ thấy chân tướng của hết thấy các pháp. “Ly” và “tức” là một, chẳng hai. Quý vị thật sự ngộ điều này, thật sự thụ dụng. Do “lìa” nên vô tướng, tâm trong sạch, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, chẳng có dấu vết pháp thế gian và xuất thế gian. Do “tức” nên chẳng phải là không có tướng. “Tức” và “ly” chẳng hai, chân và vọng đồng thời. Giống như màn hình TV chẳng phải là chân và vọng đồng thời ư? Chẳng phải là “ly” và “tức” chẳng hai ư? Màn hình là chân, sắc tướng là vọng, chân và vọng nhất thể, chân và vọng chẳng hai, phải liễu giải rõ ràng điều này. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, là lục đạo mười pháp giới, chân ở trong ấy, vọng ở đâu? Vọng ở trong chân; băng tân và sắc tướng đều ở trên màn hình, màn hình là chân. [Phải nói như vậy] quý vị mới thật sự liễu giải chân tướng; vì vậy, bất đắc dĩ nói “Thật Tướng”, quý vị chớ nên chấp trước danh từ Thật Tướng này. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự, văn tự là công cụ, là phương pháp, chẳng phải là mục đích, mục đích là khai ngộ. Nếu quý vị chấp trước, sẽ chẳng khai ngộ. Chớ nên chấp tướng văn tự, nghe giảng thì sao? Nghe giảng đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết, văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết, chớ nên chấp trước. Điều thứ hai, Ngài dạy chúng ta đừng nên chấp trước tướng danh tự. Danh từ thuật ngữ là giả lập, chẳng thật. Những thứ ấy có thể hướng dẫn quý vị, đừng nên chấp trước! Giống như những tấm biển

chi đường, chúng ta muốn đến Bắc Kinh, con đường này là xa lộ cao tốc (Express way), bên đường có tấm biển ghi “Bắc Kinh”. Tấm biển ấy chẳng phải là Bắc Kinh, nó là tướng danh tự. Quý vị chiếu theo phương hướng đó mà đi, chớ nên chấp trước tấm biển thì mới có thể tới Bắc Kinh. Nếu quý vị chấp trước Bắc Kinh ở ngay nơi ấy, làm rồi! Chớ nên chấp trước danh từ thuật ngữ! Điều thứ ba, chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Đọc kinh, ta nghĩ điều này có nghĩa là gì, vừa nghĩ bèn trật, chớ nên suy tưởng, vì sao? Chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị suy nghĩ [một ý nghĩa nào] thì đây là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng thể là ý nghĩa của Phật. Chớ nên suy tưởng thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật là gì? Thừa quý vị, là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Sau khi khôi phục, sau khi đạt được, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Người ta chẳng hỏi quý vị thì tâm địa trong sạch, chẳng [nhận thấy chính mình] biết một thứ gì, đó là “*Bát Nhã vô tri*”. Người khác đến thỉnh giáo quý vị, lúc kẻ ấy hỏi quý vị, quý vị bèn ứng đối lưu loát, “*không gì chẳng biết*”. Không gì chẳng biết do đâu mà có? Từ vô tri mà có, vô tri là tự tánh, tự tánh khởi tác dụng, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi tự tánh, vì vậy, kiến tánh sẽ viên mãn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, Ngài có biết những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng hay không? Biết toàn bộ, chẳng cần học, [những điều ấy] đều từ tự tánh lưu xuất. Hết thầy các kinh do mười phương hết thầy chư Phật Như Lai đã nói, Huệ Năng đại sư có biết hay không? Đều biết, chẳng thiếu một điều gì! Vì vậy, kinh Phật được gọi là “*nội học*”, chẳng phải là hướng ngoại. Hướng ngoại sẽ cầu chẳng được. Cái cầu được do hướng ngoại là tri thức, chẳng phải là trí huệ; hướng nội sẽ cầu được trí huệ, chẳng phải là tri thức. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức giải quyết vấn đề mang tánh chất cục bộ, hạn chế; lại còn có hậu quả, trí huệ chẳng giống như vậy. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng điều này!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Khả kiến Thật Tướng nãi ngô nhân đương tiền nhất niệm tâm tánh chi cường danh*” (có thể thấy Thật Tướng chính là tên gọi miễn cưỡng của một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta), “*cường danh*” là miễn cưỡng dùng danh từ này, chớ nên nghĩ là thật, chúng ta ngàn vạn phần chớ nên coi nó là thật. “*Danh khả danh, phi thường danh*” (cái tên có thể gọi ra thì chẳng phải là cái tên thường hằng), Lão Tử nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo*” (cái đạo có thể diễn tả sẽ chẳng phải là cái đạo thường hằng). Thứ chân thật sẽ chẳng thể diễn tả được, chắc chắn là lìa ngôn ngữ, văn tự. Vì vậy, đây là bất đắc dĩ, miễn cưỡng thành lập một danh tướng. “*Ngô nhân nhất niệm tâm chi tánh, cường danh vi tự tánh*” (Một niệm tâm tánh của chúng ta cưỡng gọi là tự tánh). Tất cả những danh từ thuật ngữ này đều là bất đắc dĩ phải dùng nó, dùng nó để làm gì? Nhằm dạy học thuận tiện. Hễ chấp trước sẽ trật, hễ chấp trước thì sao? Kinh Phật biến thành Phật học, biến thành một thứ học thuật thế gian. Kinh Phật vốn là gì? Kinh Phật vốn là tự tánh, hễ chấp trước sẽ trật, làm rồi, hễ phân biệt sẽ hỏng bét. Đây là chỗ khó khăn trong Phật học. Nếu quý vị thật sự hiểu thì đây cũng là chỗ dễ dàng trong Phật học, thật sự quá dễ! Quý vị đến trường để học hành, trong đại học hiện thời ước chừng có mấy trăm khoa hệ, một khoa học bốn năm, mười khoa hệ là bốn mươi năm, một trăm khoa hệ là bốn trăm năm, quý vị học suốt một ngàn năm vẫn chưa tốt nghiệp, chẳng có cách nào học xong! Sau khi học xong thì như thế nào? Vẫn chẳng thông một tí nào hết! Nếu quý vị thật sự hiểu khôn phép Phật pháp này, sẽ dễ dàng, tốn mấy năm thật sự y giáo phụng hành, vọng tưởng, chấp trước thầy đều buông xuống, đều tách rời. Quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, chúng A La Hán; buông phân biệt xuống, thành Bồ Tát; buông khởi tâm động niệm

xuống, quý vị thành Phật. Toàn bộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều hiện ra, không điều gì chẳng thông, không gì chẳng thể!

Chư vị phải nhớ: Lúc Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, Ngài hai mươi bốn tuổi, chẳng có chuyện thế gian hay xuất thế gian nào Ngài không biết! Tuy Ngài không biết chữ, quý vị cầm một quyển sách đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho quý vị nghe trong sách ấy nói điều gì, giảng chẳng trật một tí nào! Trí huệ đã mở mang, từ tự tánh lưu xuất, chẳng do học được! Vì vậy, Phật pháp chẳng phải tôn giáo, nhưng bản thân Phật pháp xưng là Tông Giáo, [tức là] Tông Môn và Giáo Hạ [nói gộp chung lại], hoàn toàn chẳng liên can gì đến hàm ý trong [thuật ngữ] “*tôn giáo*” trong hiện thời. Tông Môn hay Giáo Hạ là do dùng phương pháp giáo học khác nhau. Thiền Tông chẳng dùng sách giáo khoa, hoàn toàn dùng phương pháp tham cứu, trong ấy, có rất nhiều phương pháp. Quý vị phải nhớ: Tham cứu là lia tâm ý thức, quyết định không dùng tâm ý thức, cũng có nghĩa là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, huân luyện điều này, khiến cho quý vị khôi phục cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh vốn sẵn có, khôi phục cái tâm thanh tịnh; sau đây, tiến thêm một bước nữa là khôi phục tâm bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng, sau đây nhất định khai ngộ, khai ngộ là giác. Thanh tịnh là công phu và cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật. Tâm bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm sẽ khai ngộ, đại triệt, đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, sau khi giác ngộ, quay lại đọc kinh. Người ấy đã khai ngộ, tuyệt vời!

Chúng ta thấy vị cô đại đức trong Phật môn là Long Thọ Bồ Tát của Ấn Độ được Trung Quốc rất tôn kính. Tám tông phái Đại Thừa Trung Quốc đều công nhận Long Thọ là Sơ Tổ, Long Thọ là Tổ Sư của tám tông, các tông đều tôn trọng Ngài. Trong truyện ký dường như có một đoạn như thế này: Thuở lão nhân gia tại thế, Ngài học hết thấy các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, nay chúng ta gọi là Đại Tạng Kinh, Ngài học xong những kinh điển ấy, trong bao lâu? Ba tháng! Ba tháng học xong toàn bộ những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Có thể như thế ư? Có thể chứ! Chúng tôi tin tưởng, vì sao? Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy được một đoạn tin tức. Đó là thiền sư Pháp Đạt thọ trì kinh Pháp Hoa, niệm được ba ngàn biến kinh Pháp Hoa. Chúng tôi tin niệm ba ngàn biến phải mất mười năm! Kinh Pháp Hoa rất dài, mỗi ngày niệm một bộ, mất thời gian mười năm. Sư tới Tào Khê gặp Lục Tổ, khi lễ bái, đầu chẳng sát đất. Khi lễ ba lạy, tổ Huệ Năng thấy rất rõ ràng: Đầu chẳng chạm đất. Sau khi Sư bái xong, đứng dậy, Huệ Năng đại sư hỏi Sư: “Ông lễ bái đầu chẳng sát đất, nhất định có điều gì đáng để kiêu ngạo, ông hãy nói cho ta nghe”. Sư thưa: “Đã tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến”. Lục Tổ gật đầu: “Kinh Pháp Hoa giảng những gì?” Sư nói không được, thỉnh giáo ngược lại Lục Tổ! Lục Tổ nói: “Ta chưa nghe kinh này”. Đương nhiên Ngài chẳng thể xem, không biết chữ, chẳng xem sách. Tổ nói: “Nếu ông niệm ba ngàn lần thì hãy đọc cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa tổng cộng hai mươi tám phẩm, Sư niệm tới phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, niệm tới phẩm thứ hai, Huệ Năng đại sư nghe: “Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ”. Học theo cách giống như vậy, một bộ Đại Tạng Kinh có thể học trong ba tháng, chắc chắn học xong, không cần phải xem toàn vẹn. Coi mấy trang đã hiểu toàn bộ. Giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho Sư nghe, Sư liền khai ngộ. Sau khi khai ngộ lại lễ bái, dập đầu sát đất, thiền sư Pháp Đạt là như vậy đấy! Từ một đoạn

tin tức này, chúng ta liễu giải, vốn là “ngộ hậu khởi tu” nhanh chóng dường ấy, vừa nhìn liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, không cần nghe hết!

Vì vậy, chúng ta biết lúc ấy Long Thọ Bồ Tát chứng đắc Sơ Địa, phải biết đây là Biệt Giáo, còn trong Viên Giáo là Sơ Trụ, đã vượt thoát mười pháp giới, là Pháp Thân Bồ Tát. Vì vậy, gọi là “ngộ hậu khởi tu”, đó là phương pháp của Thiên Tông. Đây là pháp của người thượng thượng căn, chẳng dành cho người thường, người thường chẳng tu được! Lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy của tôi cảnh cáo tôi: Chẳng cho phép tôi đọc Đản Kinh. Họ nói: “Chớ nên học theo Huệ Năng, chắc chắn là học không được, chúng ta chẳng phải là căn tánh ấy”. [Căn cơ] bình thường là căn tánh thượng trung hạ, thật sự là ngay cả thượng căn chúng ta vẫn chưa đạt được, mà là căn tánh trung hạ, vẫn phải thật thà làm theo từng bước, giống như đi học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, dần dần trèo lên cao. Ngài Huệ Năng một bước lên trời; [còn chúng ta bắt chước Ngài] lên không được sẽ tan thân, nát xương, xong luôn! Vì vậy, nhất định phải hiểu căn tánh của chính mình. Căn tánh trung hạ, chỉ cần quý vị giùi mài kinh giáo, chẳng buông bỏ, hiểu phương pháp. Phương pháp ấy vẫn là một môn thâm nhập, trường thời huân tu, vì sao? Tương ứng với Giới, Định, Huệ, chớ nên có tâm tham, thứ gì ta cũng đều phải học, quảng học đa văn, hỏng rồi! Đó là gì? Đó là pháp thế gian, quý vị phân tâm, vọng niệm nhiều quá! Những thứ trong Phật pháp nhằm tu tâm thanh tịnh, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh<sup>1</sup>. Vì vậy, chỉ học một môn. Một môn thì quý vị chẳng có vọng tưởng, [tuân theo] quy củ, cung kính học một môn, quyết định tuân thủ giáo huấn của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận. Ta học một bộ kinh này, chẳng chấp tướng văn tự, chẳng chấp tướng danh tự (danh từ thuật ngữ), chẳng chấp tướng tâm duyên. Mỗi ngày niệm như vậy, niệm từ đầu đến đuôi một bộ kinh này. Do vậy, kinh Đại Thừa rất có hiệu quả, như ngài Pháp Đạt cũng rất lỗi lạc. Quý vị thấy Ngài niệm một bộ kinh Pháp Hoa mười năm, có thể thấy tâm Ngài đã định. Nếu tâm Ngài chưa định, Huệ Năng đại sư giảng cho Ngài mấy câu, Ngài có thể khai ngộ được chăng? Vì sao nay chúng ta đọc Đản Kinh chẳng khai ngộ, mà Ngài khai ngộ? Người ta có mười năm Pháp Hoa tam-muội làm cơ sở, nên vừa giảng bèn khai ngộ.

Do vậy, phương pháp học tập của Trung Quốc rất phi phạm, người ngoại quốc nằm mộng cũng nghĩ không ra, trí huệ do như vậy mà có! Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo đều dùng phương pháp này. Phật pháp coi trọng khai ngộ, Nho và Đạo cũng coi trọng, đều nói tới Thiên Định. Trước đây, trong trường tư thực, thầy coi trọng điều gì nơi trò? Ngộ tánh, chớ nên chướng ngại ngộ tánh của trò. Trò học đồng thời rất nhiều thứ sẽ chẳng có ngộ tánh, cái mà trò học được là tri thức, chẳng khai ngộ. Phương pháp này thật sự chỉ có tại Cổ Ấn Độ và Trung Quốc, trong các quốc gia khác rất ít, chưa hề nghe nói tới. Một môn thâm nhập, trường thời huân tu, huân thành gì? Huân thành tam-muội. Nếu chúng ta mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, người thật sự tu hành trong một ngày có thể đọc mười biến hay chín biến, mỗi lần là bốn mươi phút, đại khái mỗi ngày mất tám giờ. Niệm kinh là gì? Tu Định, chẳng khác gì tham Thiên

---

<sup>1</sup> Ý nói các pháp môn trong Phật pháp đều nhằm tu thanh tịnh, nhưng nếu hành giả tham cầu học càng nhiều pháp môn càng tốt, tưởng đó là quảng học đa văn, thật ra là vọng niệm, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh!

của Thiên Tông. Họ dùng phương pháp tham cứu để tu Định, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để tu Định. Dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể tu Định. Nói chung, tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn phương pháp tu Định khác biệt. Quý vị phải dựa theo quy củ này để làm, chớ nên tam tâm nhị ý, một môn thâm nhập, sau một thời gian lâu dài sẽ định, định tới một trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai ngộ. Sau khi đã ngộ, lại học hết thấy kinh giáo rất dễ dàng, vừa xem liền hiểu rõ, chướng ngại gì cũng chẳng có, đó là gì? Trí huệ khai rồi! Giáo Hạ khai trí huệ, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tích lũy tiểu ngộ biến thành đại ngộ, tích lũy đại ngộ biến thành đại triệt đại ngộ. Đó gọi là “*tiệm tu*”, [tức là] từng bước một nâng cao lên. Người căn tánh trung hạ có thể làm được. Vì vậy, thầy tôi dạy tôi đi theo con đường này, tôi cũng rất nghe lời; nhưng Đản Kinh tôi vẫn đọc, tôi vẫn hết sức hoan hỷ; vì trong hoàn cảnh này, cả đời tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có chùa chiền. Học hội của chúng ta là do các cư sĩ tại Hương Cảng phát tâm tạo dựng, họ có đồng sự hội (board of directors) quản lý, đây cũng chẳng phải là chỗ của tôi. Cả đời này, ở đâu có duyên tìm tôi, tôi liền đến đó. Lúc đi, nói chung là tùy duyên, họ thích nghe kinh gì, đến bảo tôi phải giảng kinh ấy, gần như tôi đều đáp ứng. Vì vậy, cả đời này, giảng kinh luận cũng rất nhiều, nói chung là mấy chục bộ. Tôi cũng mong hoàn toàn giống như cổ nhân một môn thâm nhập, nhưng chẳng có duyên ấy. Nếu có phước báo rất lớn, quý vị mới có thể làm được. Chẳng có đại phước báo sẽ không được. Đến mọi nơi kết duyên, nói chung là nghe lệnh người khác, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; nhưng pháp mà bản thân tôi học là Niệm Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn.

Ở đây nói tới “*nhất niệm tâm*”, chúng ta hiểu rõ nhất niệm tâm. “*Nhất niệm*” ấy chính là vô thủ vô minh, nó cũng là tự tánh. Vì vậy, theo Pháp Tướng Duy Thức, A Lại Da là chân vọng hòa hợp, một nửa chân, một nửa vọng. Chúng ta dùng màn hình TV làm tỷ dụ, đó chính là hiện tượng này. Quý vị thấy màn hình là thật, hiện tượng trong ấy là vọng, chân vọng hòa hợp. Vọng là A Lại Da, chân là khi chẳng có hết thấy các tướng, đó là tánh, là tự tánh. Vì vậy, nhất niệm tâm tánh, cưỡng gọi là tự tánh. Chân tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Do chẳng phải là vật chất, ngũ căn của chúng ta duyên chẳng được; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng duyên được nó. Nó chẳng phải là tinh thần; vì vậy, ý thức của chúng ta chẳng duyên được nó. Miễn cưỡng gọi tên, đặt cho nó một tên gọi là Tự Tánh. Nó có rất nhiều [danh xưng], đức Phật gọi nó là Chân Như, Bản Tánh, Pháp Tánh, rất nhiều danh từ, nhưng đều là cùng một chuyện. Đối với chuyện này, đức Phật nói ra rất nhiều danh từ; đây cũng là phương tiện dạy học thiện xảo nhằm bảo quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần hiểu ý nghĩa này là được rồi, chớ nên nghiêm túc chấp trước. Danh tướng chẳng khẩn yếu, chẳng có quan hệ, kiến tánh mới thật sự là trọng yếu.

“*Nhị Tổ mịch tâm bất khả đắc, tức thị ‘an tâm cánh’, đản bất khả ngôn kỳ vô*” (Nhị Tổ tìm tâm chẳng thể được, chính là ‘tâm đã an rồi’, nhưng chẳng thể nói tâm là không). Trong câu chuyện này, Nhị Tổ là ngài Huệ Khả thuộc Thiên Tông. Đạt Ma Tổ Sư tới Trung Quốc truyền pháp môn Thiền này, ở Trung Quốc, Ngài được coi là Sơ Tổ; Huệ Khả đại sư là truyền nhân của Ngài, minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài. Câu chuyện này các đồng tu học Phật đều biết. Đạt Ma Tổ Sư giống như bé quan tại chùa Thiếu Lâm, vì sao? Chẳng gặp người có căn tánh như vậy để truyền pháp; vì vậy, Ngài chỉ đành tự mình bé quan nhập định, chờ người truyền pháp. Đợi rất nhiều năm, có một người xuất gia như thế hướng về Ngài cầu pháp, tâm địa rất kiên thành, rất cung kính thầy. Vì vậy, chư vị phải

biết: Điều kiện trọng yếu nhất của truyền nhân là “tôn sư, trọng đạo”. Quý vị chẳng tôn trọng thầy, chẳng tôn trọng điều mình sẽ học, Phật, Bồ Tát truyền cho quý vị, vô ích! Quý vị chẳng có cách nào tiếp nhận. Tuyệt đối chẳng phải là thầy mong quý vị phải tôn trọng Ngài, không phải! Vị thầy nào [mong được quý vị tôn trọng] sẽ chẳng phải là chân thiện tri thức, mà là kẻ còn ham danh. Chẳng phải vậy! [Tôn trọng thầy tức là] tâm quý vị chân thành cầu đạo. Ấn Quang đại sư nói: *“Một phần thành kính được mười phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Tâm thành kính của quý vị được biểu hiện qua điều này, thầy thấy tâm quý vị mười phần thành kính, thầy sẽ chẳng bỏ quý vị. Một vị thầy cả đời chẳng có gì khác, mong muốn gặp được một học trò giỏi để có thể truyền đạo của mình. Đó là như người Trung Quốc thường nói: *“Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”* (Bất hiếu có ba điều, không có người kế tục là điều bất hiếu lớn nhất). Hậu nhân của thầy là người truyền pháp. Điều này hết sức trọng yếu!

Huệ Khả mười phần thành kính, mùa Đông trời đổ tuyết, Sư ở ngoài cửa, Đạt Ma Tô Sư nhập định bên trong, Sư ở ngoài cửa, [tức là] đứng ở ngoài cửa, tuyết phủ đến đầu gối, có thể thấy là trời đổ tuyết rất lâu, tuyết đóng dày như thế, vẫn chẳng bỏ đi, một mực đứng ở đó. Đạt Ma Tô Sư biết, nhìn Sư hỏi, hình như Sư quỳ gối ở nơi đó, Tô hỏi: “Ông đến cầu điều gì?” Sư thưa: “Tâm con chẳng an, xin đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tô Sư nói: *“Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó thay cho ông”*. Nay chúng ta thấy rất nhiều tượng Đạt Ma giơ một tay ra, đó là ý nghĩa này! Quý vị lấy tâm ra, ta sẽ thay quý vị an nó. Huệ Khả tìm mãi, tìm không được, tâm rớt cuộc ở đâu? Kinh Lăng Nghiêm bảy chỗ gạn tâm, thật sự chẳng tìm được! Huệ Khả bèn thưa: *“Tìm tâm trọn chẳng thể được”*, nói lời ấy, con chẳng tìm được tâm ở chỗ nào cả! Đạt Ma Tô Sư trả lời: *“Ta đã an cái tâm của ông rồi!”* Một câu nói này của Ngài đã đánh thức Huệ Khả, Ngài bèn khai ngộ. Chư vị phải hiểu: Tâm người ta đạt tới thanh tịnh; vì vậy, sau khi được chỉ điểm liền bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm, tâm Lục Độ là Bồ Tát tâm, tâm bình đẳng là Phật tâm, Ngài lập tức khai ngộ. Vì vậy, tìm tâm trọn chẳng thể được! Quý vị chẳng thể nói không có tâm. Nếu nói “tìm tâm chẳng thể được”, bèn hiểu “như vậy là chẳng có tâm”, trật mắt rồi! Nếu ở chỗ này, quý vị đưa ra câu trả lời như thế này: “Chẳng phải là không có tâm ư?” Quý vị đã rơi vào hầm vô minh rồi, vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Phật pháp vĩnh viễn là sống động, ở nơi đâu? Ngay chính lúc này, từ đầu đến cuối ngay trong một niệm ấy; nhưng một niệm ấy chẳng thể được, một niệm ấy là gì vậy? Trôi qua rất nhanh! Khi phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, Di Lặc Bồ Tát đã giảng một [thô] niệm (một niệm mà chúng ta có thể nhận biết) có tới ba mươi hai ức trăm ngàn [tê] niệm. Chính là một niệm ấy, tuy một niệm chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không!

*“Lục Tổ vân: ‘Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp’, diệc bất năng chấp vi hữu”* (Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”, vẫn chẳng thể chấp là có). Đối với “vũ trụ” như chúng ta nói hiện thời, nhà Phật gọi nó là “vạn pháp”, hay “pháp giới”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có thể sanh ra vạn pháp. Tuy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới bày ra trước mặt, quý vị chẳng thể nói nó là có. Thân thể hiện thời của chúng ta, đông tu đạo hữu đông như thế cùng ngồi một chỗ, chẳng thể nói nó là có, đây là cảnh giới. Người ta hỏi chúng ta có hay không? Chúng ta trả lời có, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, khi tôi và quý vị ở chung một chỗ, tôi cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nên chúng ta mới có thể trò chuyện, trao đổi với nhau. Nếu

tôi nói “chẳng có”, quý vị sẽ coi tôi là dị loại, rắc rối to! Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, phải hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh. Đức Phật thuyết pháp, đã giảng rất rõ ràng, Ngài dựa vào gì? Nhị Đế! Đức Phật dựa vào Nhị Đế để giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh. Nhị Đế: Thứ nhất là Tục Đế, là sự hiểu biết và lý giải thông thường của chúng sanh. Thuận theo những gì chúng sanh hiểu rõ, nói với quý vị hiểu, dễ, trung, tín, quý vị hiểu ngay. Nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, quý vị hiểu liền, đó là gì? Thế Tục Đế (Tục Đế). Tới khi cảnh giới của quý vị đã nâng lên cao hơn, bèn giảng Chân Đế. Đạt Ma và Nhị Tổ nói về lẽ chân, quả thật, chúng ta nghe chẳng hiểu, rành rành là có, sao quý vị nói chẳng có? Đúng là chẳng có, nhưng chúng ta hiểu lầm, tưởng là thật sự có. Phật cũng chẳng tranh cãi với chúng ta, quý vị nói có thì có, quý vị nói không thì không! Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, giúp quý vị nâng cao lên từ từ. Đây là phương pháp áp dụng cho tuyệt đại đa số mọi người!

Quý vị thầy Đạt Ma Tổ Sư ở Trung Quốc nhiều năm như vậy, độ được một người là Huệ Khả; Huệ Khả cũng độ một người, suốt đời chỉ độ được một người là Tăng Xán, mãi cho đến Huệ Năng, suốt thời Ngũ Đại<sup>2</sup> đều là đon truyền. Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng cũng là độ một người. Huệ Năng đại sư Lục Tổ độ bốn mươi ba người, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Ngài dạy bốn mươi ba người đều đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đúng là trước và sau Ngài chẳng hề có trường hợp nào giống như vậy! Sau thời Lục Tổ chẳng có tình hình này, thầy chỉ dạy được đôi ba người khai ngộ, dường như tôi đa được năm người, nhiều hơn nữa chẳng có! Có thể thấy chuyện này khó khăn lắm! Trong thời đại hiện tại, có ai khai ngộ hay không? Xưa kia, tôi sang Hương Cảng giảng kinh vào năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy (1977), nơi tôi giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán của lão pháp sư Đàm Hư trên đường Giới Hạn (Boundary Street), lần đó giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi nghe băng thâu âm lời khai thị lão pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất, vì khi tôi đến đó, lão hòa thượng đã vắng sanh mấy năm rồi, ba bốn năm, chẳng được gặp mặt. Trong lời khai thị, Sư bảo, cả đời Ngài đã từng gặp người đắc Định, tức là đắc Thiền Định trong Thiền Tông, Ngài đã thấy, cũng từng nghe nói, nhưng khai ngộ thì không chỉ chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói tới. Nên biết lúc Đàm lão pháp sư nói [lời ấy], Ngài đã chín mươi tuổi.

---

*2 Ngũ Đại là giai đoạn lịch sử từ năm 907 đến năm 979, trải qua năm triều đại chính là Hậu Lương (907-923, do Châu Hoảng tức Châu Ôn sáng lập), Hậu Đường (923-937, do Lý Tồn Úc sáng lập), Hậu Tấn (936-947, do Thạch Kính Đường sáng lập), Hậu Hán (947-951, do Lưu Trí Viễn sáng lập), và Hậu Châu (951-960, do Quách Oai sáng lập). Trong giai đoạn này, ngoài năm vương quốc chính nói trên, có tất cả mười vương quốc được sáng lập và diệt vong trong một thời gian ngắn nên sử thường gọi chung là Ngũ Đại Thập Quốc. Mười nước ấy là Ngô (904-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Sở (897-951, do Mã Ân sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thẩm Tri), Nam Hán (917-971, do Lưu Nghiễm sáng lập), Tiền Thục (907-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Nam Bình (còn gọi là Kinh Nam hay Bắc Sở, 924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập) và Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập).*



Gần đây nhất, đại khái là hai mươi năm trước, tôi quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lúc lão nhân gia còn sống, mỗi năm tôi sang Bắc Kinh tối thiểu hai lượt để gặp cụ. Hai người chúng tôi đều học bản kinh này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, không ai giảng bản này. Tôi ở hải ngoại giảng bản này, cụ ở trong nước giảng bản này, trong nước cũng chẳng có người thứ hai giảng. Vì vậy, hai người chúng tôi gặp nhau rất hợp ý. Cụ bảo tôi: Cụ học Thiên, cũng như học Mật, đều có thành tựu khá. Cụ bảo tôi: Trong thời đại hiện tiền này, căn tánh Thiên và Mật đều chẳng có. Ngay cả tham Thiên đắc định còn chẳng thấy; học Mật, tam mật tương ứng, tức thân thành Phật cũng chẳng có! Cụ nói từ nay về sau, có thể thành tựu trong Phật pháp chỉ có niệm Phật. Thầy của cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng từng học Thiên, cũng từng học Mật, lúc mất bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Hoàng lão cư sĩ cũng giống như thế. Lúc cụ ngã bệnh, đã cho tôi biết, mỗi ngày niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, đúng là buông xuống vạn duyên, những điều đã học trong cuộc đời cũng đều buông xuống, một câu Phật hiệu đưa cụ đi vãng sanh. Đây là đại thiện tri thức thị hiện, hiện thân thuyết pháp cho chúng ta biết pháp gì sẽ có thể thành tựu, do pháp này sẽ có thể thành tựu.

Nhất là trong hiện thời, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, người bình thường chẳng còn kiên đề mà bàn nói tai nạn. Trước đây, trong các cuộc gặp gỡ quốc tế, chẳng hề bàn chuyện tai nạn. Năm nay, tôi ở Úc, trong cuộc phỏng vấn năm tôn giáo, hết thấy mọi người đều bàn vấn đề này. Vài hôm trước, đài truyền hình Phương Hoàng cũng phỏng vấn tôi về đề tài này, có thể thấy hết thấy mọi người rất coi trọng [chuyện này]. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm chưa xong, đã giảng đến bốn ngàn giờ, nhưng cũng vì xã hội hiện tại cần thiết, tạm ngưng kinh Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, phối hợp giữa quốc nội và Đài Loan, nơi khác tổ chức Tam Thời Hệ Niệm một trăm thất, đều đem công đức của những chuyện này hồi hướng cho Trung Quốc, cho nơi này, cho toàn bộ thế giới, mong rằng do công đức này, tai nạn có thể giảm nhẹ, chậm xảy ra. Muốn hoàn toàn hóa giải, sợ rằng sức chúng ta chưa làm được! Vì vậy, chúng ta đồng tâm hiệp lực làm chuyện này, tôi giảng bộ đại kinh này để phối hợp với họ. Giảng kinh này viên mãn, tôi lại giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm. Đây là nhân duyên giảng kinh lần này.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: *“Cái ly tứ cú, tuyệt bách phi, phi tư lượng, phân biệt chi sở năng giải”* (Ấy là vì li tứ cú, dứt bách phi, chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). *“Tứ cú”* là có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, bốn câu này. Những điều này đều nói về tâm phàm phu của chúng ta, tâm phàm phu quả thật là tâm luân hồi; trong tâm luân hồi, phân biệt, chấp trước nghiêm trọng nhất. Nay chúng ta biết: Trong Thật Tướng của các pháp, Có và Không đều chẳng có. Có và Không là đối lập. *“Cũng có, cũng không”* và *“chẳng phải có, chẳng phải không”* đều là hý luận, Phật pháp gọi [những điều đó là] hý luận. Hý luận chẳng có ý nghĩa chân thật. Những gì gọi là *“chẳng có nghĩa chân thật”*? Trái nghịch chân tướng sự thật. Lời này là thật, tuyệt đối chẳng giả; nhưng lời như vậy người tu lâu có thể hiểu, kẻ mới học sẽ khá khó hiểu. Người nào có thể hoàn toàn tiếp nhận, chẳng hoài nghi? Phải là người thượng căn trong Phật pháp; nhưng căn tánh có thể nâng cao lên nhờ huân tu. Chúng ta là kẻ hạ căn, chẳng sao hết! Chỉ cần tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, [điều này] khiến cho chúng tôi nhớ đến một câu ngôn ngữ của Trung Quốc: *“Bất thánh lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhân tiền”* (chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt trước mắt), lão nhân là ai? Chư Phật, Bồ Tát

là lão nhân, cổ thánh tiên hiền là lão nhân. Tôi có lý do để tin văn hóa Trung Quốc chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, văn hóa Cổ Ấn Độ truy ngược về thời đại Bà La Môn là hơn một vạn năm, Trung Quốc trọn chẳng thua kém họ. Chúng ta nói [văn hóa Trung Quốc có lịch sử] năm ngàn năm là gì? Vì thời đại thượng cổ chẳng có văn tự, chẳng có ghi chép, đều dựa vào truyền khẩu, từ đời này truyền sang đời kia; Ấn Độ vẫn là như vậy, vì họ không coi trọng lịch sử, còn người Trung Quốc coi trọng ghi chép lịch sử. Do đó, Khổng Tử nói bản thân lão nhân gia “*thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ*”. Tôi cảm thấy hai câu ấy của Luận Ngữ vô cùng quan trọng, đó là gì? Tu học thành tựu nhờ vào đâu? Thái độ tu học. Câu này nói rõ cả đời Khổng Tử chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, chẳng có gì lỗi lạc, những gì Ngài học, tu, dạy, truyền lại, hết thảy đều là của cổ thánh tiên hiền. Trong Luận Ngữ có rất nhiều câu tôi tin là từ cả ngàn vạn năm trước truyền lại, lão nhân gia thâm thập, hệ thống hóa, chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại lời cổ thánh tiên hiền để lưu truyền hậu thế. Vì vậy, nói: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư đã “*tập đại thành*”. Công đức này vô lượng, vô biên, chẳng có văn tự của Ngài ghi chép, những thứ được truyền lại cũng rất ít, đây là công hiến lớn nhất của Ngài đối với người đời sau.

Chúng ta nên có thái độ này, thái độ này của Phu Tử là tâm thanh tịnh, chẳng tự tư tự lợi, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Ngài yêu thích những giáo huấn của cổ nhân, nói cách khác, Ngài ưa chuộng thánh nhân, Ngài là thánh nhân. Nếu Ngài chẳng phải là thánh nhân, làm sao có thể ưa thích thánh nhân? Giống như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chính Ngài đã chứng đắc. Nếu Ngài chẳng phải là Sơ Trụ, sẽ chẳng thấy Sơ Trụ; chẳng phải là Sơ Địa sẽ chẳng thấy Sơ Địa. Khổng Tử có thể thấy, hiểu nghĩa chân thật trong những giáo huấn của thánh nhân, Ngài đã đạt tới cảnh giới ấy. Đã đạt thì dùng những giáo huấn của người khác là được rồi, cần gì phải dùng của chính mình! Nếu gương tốt cho người đời sau; đó là chính xác, chúng ta phải nên học theo điều này! Vì vậy, tôi giảng bộ kinh này, lần này là lần thứ mười một, phương pháp sử dụng trong lần thứ mười một khác hẳn, giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ; đây là “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”, chẳng có gì của chính mình, có gì cứ phải của chính mình! Hoàng lão cư sĩ chú giải, tôi đồng ý, chẳng phải là giống hệt như của chính mình ư? Có gì cứ phải nêu ra những thứ của chính mình? Nêu ra những thứ hay đẹp của người khác, mong muốn hết thảy mọi người học tôn trọng cổ thánh tiên hiền, sẽ có đại lợi ích! Chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, chẳng làm chuyện tự tư tự lợi, khiến cho tâm của chính mình được khôi phục sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần!

Lìa tứ cú, tuyệt bách phi, được tổng kết ngay sau đó, “*phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải*” (chẳng phải là suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). Chúng ta dùng tâm ý thức, tâm ý thức chính là nghiên cứu trong hiện thời, nghiên cứu là gì? Dùng thức thứ sáu (ý thức) để phân biệt, dùng thức thứ bảy để chấp trước. Có thể nghiên cứu những thứ chân thật hay chẳng? Chẳng thể nào! Đây là chỗ khác biệt giữa khoa học và truyền thống Trung Quốc. Truyền thống Trung Quốc có thể kiến tánh, có thể khôi phục trí huệ trong tự tánh, khoa học không làm được, vì sao không làm được? Khoa học dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức sẽ đạt được tri thức, chẳng phải là trí huệ, hai chuyện [khác nhau]. Cổ Ấn Độ và Trung Quốc cổ xưa coi trọng trí huệ, tri thức là hạng nhì. Hai mươi lăm bộ sử là tri thức,

mười ba kinh<sup>3</sup> là trí huệ. Tri thức có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nhưng quyết sách, quyết đoán nhất định phải là trí huệ. Vì vậy, Trung Quốc mấy ngàn năm ổn định là có đạo lý. Những thứ của tổ tiên thật sự tốt đẹp, nếu chúng ta coi thường sẽ là đại bất hiếu, [tổ tiên] lưu lại những thứ quá tốt như vậy, sao lại hời hợt coi thường?

Tiếp theo là “*linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”. Đã hết thời gian rồi, ngày hôm nay chúng ta học tới đây, ngày mai chúng ta sẽ học tập tiếp câu này. Nghĩa lý trong đoạn này rất sâu, chúng ta phải chú tâm cùng nhau học tập trong lần tới. À! Ngày hôm nay học tới đây!

## HẾT TẬP 20

---

3 Thoạt đầu, Trung Hoa chỉ coi hai mươi bốn bộ sử được coi là sách lịch sử chính thống, đến năm 1921, tổng thống Từ Thế Xương hạ lệnh đưa thêm Tân Nguyên Sử (do Kha Thiệu Mẫn biên soạn) vào danh sách ấy nên mới có hai mươi lăm bộ sử. Về sau, ngoại trừ tại Đài Loan vẫn chấp nhận quy định này, các nơi khác thay thế Tân Nguyên Sử bằng Thanh Sử Cảo (do Triệu Nhĩ Tôn chủ biên). Hai mươi bốn bộ sử truyền thống là Sử Ký (do Tư Mã Thiên biên soạn dưới thời Đông Hán), Hán Thư (do Ban Cố biên soạn), Hậu Hán Thư (do Phạm Việp biên soạn), Tam Quốc Chí (do Trần Thọ biên soạn), Tấn Thư (do Phòng Huyền Linh chủ biên), Tống Thư (do Trầm Ước biên soạn), Nam Tề Thư (do Tiêu Tử Hiển biên soạn), Lương Thư (do Diêu Tư Liêm biên soạn), Trần Thư (do Diêu Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (do Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (do Lý Bách Dực soạn), Châu Thư (do Lệnh Hồ Đức Phân chủ biên), Tùy Thư (do Ngụy Trưng chủ biên), Nam Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Bắc Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Cựu Đường Thư (do Lưu Hú chủ biên), Tân Đường Thư (do Âu Dương Tu biên soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (Tiết Cư Chánh chủ biên), Tân Ngũ Đại Sử (Âu Dương Tu biên soạn), Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử (ba bộ này đều do Thoát Thoát chủ biên), Nguyên Sử (do Tống Liêm biên soạn), và Minh Sử (do Trương Đình Ngọc biên soạn).

Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển chủ yếu của Nho gia mà các sĩ tử Trung Hoa kể từ đời Tống bắt buộc phải học nếu muốn đỗ đạt, gồm kinh Thi, kinh Thư, Lễ Ký, Châu Dịch, Tả Truyện (Tả Thị Xuân Thu là bộ biên niên sử nhằm chú giải kinh Xuân Thu do Tả Khâu Minh biên soạn), Công Dương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Công Dương Cao người nước Tề biên soạn), Cốc Lương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Cốc Lương Tử biên soạn), Châu Lễ (tương truyền do Châu Công biên soạn, viết về cách tổ chức quan chế đời Châu), Nghi Lễ (ghi chép các thứ nghi lễ đời Châu), Luận Ngữ (ghi chép lời dạy của Khổng Tử), Hiếu Kinh (ghi chép lời Khổng Tử dạy Tăng Sâm về đạo hiếu), Nhĩ Nhã (bộ từ điển đầu tiên của Trung Hoa, không rõ tác giả) và Mạnh Tử (sách ghi lại tư tưởng, quan điểm của Mạnh Tử, thường được tin là do chính Mạnh Tử biên soạn, và do các học trò của ông như Vạn Chương, Công Tôn Sửu v.v... chỉnh lý).